TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày: 21/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng Tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Ninh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kền
2. Ông Nguyễn Văn Huề

- Thư ký phiên tòa: ông Triệu Sinh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh *tham gia phiên toà:* bà Nguyễn Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 21 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử số 3, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2023/QĐST-DS ngày 25/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N Á

Địa chỉ trụ sở: 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N Á (Công ty AMC - N A Bank)

Địa chỉ: SR18 - SR19 Trung tâm thương mại Q, 07 Nguyễn Tất T, phường L, thành phố Q, tỉnh B Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn D; chức vụ: Chủ tịch Công ty (theo giấy ủy quyền số 1295/2022/UQQT-NHNA ngày 09/12/2022)

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Đoàn Ngọc K; bà Nguyễn Thị Tr; Chức vụ: Cán bộ phòng xử lý nợ - Công ty AMC - N A Bank (theo giấy ủy quyền số 817/2022/UQ-AMC ngày 20/12/2022); bà Nguyễn Th – vắng mặt; ông Đoàn Ngọc K - có mặt ngày 15/8/2023, vắng mặt ngày 21/8/2023 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: 503 K M, phường N K, quận B Đ, thành phố H N

2. Bị đơn: Nguyễn Đức Tr; Sinh năm 1966

Trú tại: tổ 6, khu 7B, phường H, thành phố H L, tỉnh Q N - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần N Á (N A Bank) ông Đoàn Ngọc K trình bày:

Ngày 31/05/2019, ông Nguyễn Đức Tr đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Phương án vay vốn, Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ (đã bao gồm Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N Á) – gọi chung là Hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng TMCP N Á.

Sau khi ký kết, Ngân hàng TMCP N Á đã phát hành cho ông Nguyễn Đức Tr 02 sản phẩm thẻ, cụ thể như sau:

1. Thẻ tín dụng nội địa: Số tài khoản: 381205444950002; số thẻ: 970428xxxxxx9351; sản phẩm thẻ: LC MAG Standard Credit Main Card; hạn mức: 10.000.000 đồng; ngày phát hành: 14/06/2019; ngày kích hoạt: 20/06/2019; lãi suất trong hạn: 30%/năm; lãi suất quá hạn: 45%/năm.

2. Thẻ tín dụng quốc tế: Số tài khoản: 781205444950001;

+ Số thẻ: 356519xxxxxx8156; sản phẩm thẻ: JCB EMV Standard Credit Main Card; hạn mức: 10.000.000 đồng; ngày phát hành: 14/06/2019; ngày kích hoạt: 20/06/2019; lãi suất trong hạn: 27%/năm; lãi suất quá hạn: 40.5%/năm.

Ngày 01/11/2019, ông Nguyễn Đức Tr đã ký Giấy yêu cầu đề nghị nâng hạn mức tín dụng từ 10.000.000 đồng lên 20.000.000 đồng và được Ngân hàng TMCP Nam Á chấp thuận.

Tuy nhiên, trong thời gian sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Đức Tr đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông Nguyễn Đức Tr trả nợ, nhưng ông Nguyễn Đức Tr vẫn không thực hiện, đến thời điểm hiện nay, Ngân hàng không còn liên hệ được với ông Nguyễn Đức Tr.

Do ông Nguyễn Đức Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo điểm e Khoản 2 Điều 12 Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N Á), nên Ngân hàng TMCP N Á đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Khoản 2 Điều 11 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Nam Á).

Chi tiết tính lãi bao gồm tính lãi trong hạn, tính lãi quá hạn, được thể hiện đầy đủ tại bản sao kê tóm tắt, của 02 thẻ tín dụng đã cấp cho anh Nguyễn Đức Tr.

* Đối với thẻ tín dụng nội địa, số tiền anh Nguyễn Đức Tr còn nợ N A Bank tạm tính đến hết ngày 14/08/2023 là:

Nợ gốc: 15.691.352 đồng; Nợ lãi: 8.673.561 đồng;

Tổng cộng: 24.364.913 đồng.

* Đối với thẻ tín dụng quốc tế, số tiền anh Nguyễn Đức Tr còn nợ N A Bank tạm tính đến hết ngày 14/08/2023 là:

Nợ gốc: 4.216.342 đồng; Nợ lãi: 2.143.940 đồng;

Tổng cộng: 6.360.282 đồng.

Tổng số tiền anh Nguyễn Đức Tr còn nợ N A Bank theo 02 thẻ nêu trên tạm tính đến ngày 14/08/2023 là:

Nợ gốc: 19.907.694 đồng;

Nợ lãi: 10.817.501 đồng;

Tổng cộng: 30.725.195 đồng (ba mươi triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm chín mươi lăm đồng)

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng TMCP N Á của ông Nguyễn Đức Tr đã vi phạm các điều khoản cam kết trong Hợp đồng tín dụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP N Á.

Ngân hàng TMCP N Á yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên buộc anh Nguyễn Đức Tr phải trả cho Ngân hàng TMCP N Á toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh, tổng số tiền đến hết ngày 14/8/2023 là 30.725.195 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 19.907.694đ (mười chín triệu, chín trăm linh bảy nghìn, sáu trăm chín mươi tư đồng), trong đó nợ thẻ nội địa là 15.691.352 đồng; nợ thẻ Quốc tế là 4.216.342 đồng.

Nợ lãi hai thẻ là: 10.817.501 đồng

- Trong thời gian chưa thanh toán nợ, anh Tr phải chịu lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ, Giấy yêu cầu thay đổi hạn mức tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu: Trường hợp anh Tr không trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Tr cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Thành yêu cầu: Trường hợp anh Tr không trả nợ, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thi hành khoản nợ phải trả đối với anh Tr.

Đồng thời bổ sung yêu cầu: Yêu cầu tuyên bố chấm dứt Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng 02 thẻ tín dụng ngày 31/5/2019 hai bên đã ký kết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức Tr vắng mặt

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại khu phố, UBND phường H, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, nhưng anh Tr vẫn không đến Tòa án làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 27/6/2023, Công an phường H xác nhận: anh Nguyễn Đức Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 6, khu 7B, phường H, thành phố H L, tỉnh Q N, hiện nay anh Tr vắng mặt tại địa phương, anh Tr không khai báo tạm vắng. Tòa án cũng đã thực hiện liên lạc điện thoại với chị gái của anh Tr là chị Nguyễn B, trước kia sinh sống tại tổ 6, khu 7B, phường H, thành phố H L, là người có thông tin người tham chiếu tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ của anh Tr, thì được chị B cho biết, chị và anh Tr thỉnh thoảng vẫn liên lạc với nhau, nhưng anh Tr cũng không cho chị biết địa chỉ hiện nay anh Tr đang sinh sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ

của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long nhận thấy:

Căn cứ Điều 244, 422, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 7 nghị quyết số 01/2019/HĐTPTANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Nhận thấy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Buộc anh Nguyễn Đức Tr phải trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 14/8/2023 và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ số nợ gốc chưa thanh toán, cho đến khi trả hết nợ, theo quy định về lãi suất quá hạn của Hợp đồng Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 31/5/2019 và yêu cầu thay đổi hạn mức tín dụng ngày 01/11/2019. Đối với yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy những yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, vì vậy, có căn cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng**:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn của Ngân hàng TMCP N Á (N A Bank) có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tranh chấp hợp đồng tín dụng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Người bị kiện là anh Nguyễn Đức Tr trú tại tổ 6, khu 7B, phường H, thành phố H L, tỉnh Q N, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Đức Tr không hợp tác, giấu thông tin địa chỉ của mình để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Đức Tr.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] Việc giao kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 31/5/2019 và yêu cầu thay đổi hạn mức tín dụng ngày 01/11/2019, giữa Ngân hàng với anh Tr là do các bên tự thỏa thuận, hoàn toàn tự nguyện, đúng với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật các Tổ chức tín dụng và các quy chế, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng TMCP N Á. Hợp đồng Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ nêu trên đã phát sinh hiệu lực, Ngân hàng đã giải ngân, thực hiện mở thẻ để giao dịch, anh Tr đã thực hiện các giao dịch trên hạn mức số tiền vay theo Hợp đồng cho vay. Từ ngày 01/11/2019, anh Tr đã không thanh toán được nợ theo thỏa thuận và phát sinh nợ quá hạn gốc, lãi. Ngân hàng đã đôn đốc, làm việc nhiều lần nhưng anh Tr không thực hiện việc trả nợ, thay đổi nơi ở, giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, Ngân hàng N A giữ nguyên quan điểm khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết để buộc anh Nguyễn Đức Tr phải trả cho N A tổng số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, tính đến hết ngày 14/8/2023 là 30.725.195 đồng trong đó:

Nợ gốc: 19.907.694đ (mười chín triệu, chín trăm linh bẩy nghìn, sáu trăm chín mươi tư đồng), trong đó nợ thẻ nội địa là 15.691.352 đồng; nợ thẻ Quốc tế là 4.216.342 đồng.

Nợ lãi hai thẻ là: 10.817.501 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ngân hàng khởi kiện đối với anh Tr, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phải thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 31/5/2019 và yêu cầu thay đổi hạn mức tín dụng ngày 01/11/2019, là đúng với thỏa thuận của Hợp đồng đã ký kết giữa các bên đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và quy định tại khoản 2 Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm", nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 31/5/2019 và yêu cầu thay đổi hạn mức tín dụng ngày 01/11/2019 đã ký giữa N A Bank với anh Nguyễn Đức Tr. Xét thấy yêu cầu của đơn N A Bank không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và theo nội dung khởi kiện của N A Bank, về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Tr phải trả toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi phát sinh, theo Hợp đồng cho vay này. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải tuyên chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 31/5/2019 và yêu cầu thay đổi hạn mức tín dụng ngày 01/11/2019, theo quy định tại khoản 4 Điều 422 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện:

Ngân hàng N Á yêu cầu: Trường hợp anh Tr không trả nợ, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Tr cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu là: Trường hợp anh Tr không trả nợ, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thi hành khoản nợ phải trả đối với anh Tr.

Đối với yêu cầu này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Việc yêu cầu được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thi hành khoản nợ, là quyền của người được thi hành án. Bản thân anh Tr đã đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, do đó có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về án phí: anh Nguyễn Đức Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần N Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 422, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N Á đối với anh Nguyễn Đức Tr.

2. Chấm dứt Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sử dụng 02 thẻ tín dụng ngày 31/5/2019 và yêu cầu thay đổi hạn mức tín dụng ngày 01/11/2019, được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N Á và anh Nguyễn Đức Tr.

3. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Nguyễn Đức Tr phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N Á (N A) toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 31/5/2019 và yêu cầu thay đổi hạn mức tín dụng ngày 01/11/2019, Ngân hàng N A đã ký với anh Nguyễn Đức Tr, tính đến hết ngày 14/8/2023 số tiền là 30.725.195 đồng (ba mươi triệu,bảy trăm hai mươi lăm nghìn,một trăm chín mươi lăm đồng) trong đó:

Nợ gốc: 19.907.694đ (mười chín triệu, chín trăm linh bảy nghìn, sáu trăm chín mươi tư đồng), trong đó nợ thẻ nội địa là 15.691.352 đồng; nợ thẻ Quốc tế là 4.216.342 đồng.

Nợ lãi hai thẻ là: 10.817.501 đồng

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày 14/8/2023, cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên, anh Nguyễn Đức Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 31/5/2019 và yêu cầu thay đổi hạn mức tín dụng ngày 01/11/2019.

3.Trường hợp anh Nguyễn Đức Tr không trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền để thi hành khoản nợ.

4. Về án phí:

- Anh Nguyễn Đức Tr phải chịu 1.536.259 đồng (một triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N Á số tiền 606.000đ (sáu trăm linh sáu nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001473 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H L, tỉnh Q N.

5. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần N Á và anh Nguyễn Đức Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố H L;
- TAND tỉnh Q N;
- CCTHADS thành phố H L ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Ninh